

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán riêng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("Ngân hàng") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 5 đến trang 62 (sau đây gọi chung là "các báo cáo tài chính riêng"). Việc lập các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV



Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0923/KTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	420.562	193.424
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	4	1.032.968	624.326
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	5	8.066.840	8.439.425
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	5.1	7.926.404	8.439.425
Cho vay các TCTD khác		141.813	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	9	(1.377)	-
Chứng khoán kinh doanh		13.836	26.442
Chứng khoán kinh doanh	6	16.900	29.783
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	12	(3.064)	(3.341)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	2.238	-
Cho vay khách hàng		19.665.526	12.740.502
Cho vay khách hàng	8	19.876.899	12.882.962
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(211.373)	(142.460)
Chứng khoán đầu tư	10	4.053.655	3.026.887
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	201.404	97.045
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.2	3.856.947	2.935.163
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	12	(4.696)	(5.321)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		510.986	335.759
Đầu tư vào công ty con	11	200.000	-
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	11.1	53.905	-
Đầu tư dài hạn khác	11.2	268.039	338.055
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12	(10.958)	(2.296)
Tài sản cố định	13	627.457	507.124
Tài sản cố định hữu hình	13.1	498.159	430.850
Nguyên giá tài sản cố định		594.941	488.584
Hao mòn tài sản cố định		(96.782)	(57.734)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
Tài sản cố định vô hình	13.2	129.298	76.274
Nguyên giá tài sản cố định		156.348	92.323
Hao mòn tài sản cố định		(27.050)	(16.049)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác	14	3.605.485	624.195
Các khoản phải thu	14.1	1.715.225	336.449
Các khoản lãi, phí phải thu		380.610	246.265
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản có khác	14.2	1.535.150	41.481
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(25.500)	-
TỔNG TÀI SẢN		37.999.553	26.518.084

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	15	100.000	37.023
Tiền gửi và vay các TCTD khác	16	6.421.815	6.334.203
Tiền gửi của các TCTD khác	16.1	6.421.815	5.978.067
Vay các TCTD khác	16.2	-	356.136
Tiền gửi của khách hàng	17	23.462.135	15.001.842
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác		-	4.002
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	18	15.848	15.000
Phát hành giấy tờ có giá	19	2.490.000	-
Các khoản nợ khác		876.329	636.578
Các khoản lãi, phí phải trả		383.694	220.679
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	20	462.542	400.505
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	9	30.093	15.394
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		33.366.127	22.028.648
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn của TCTD		4.223.158	4.223.158
Vốn điều lệ	22.1	3.830.764	3.482.513
Vốn đầu tư XDCB		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	22.1	573.535	921.786
Cổ phiếu quỹ	22.1	(181.141)	(181.141)
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		-	-
Quỹ của TCTD		82.014	50.197
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	22.1	328.254	216.081
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	22.1	4.633.426	4.489.436
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		37.999.553	26.518.084

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
--	----------------	--------------------------	--------------------------

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	3.472.602	2.047.227
Bảo lãnh tài chính	874.671	756.250
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.812.073	1.191.794
Bảo lãnh khác	785.858	99.183
Các cam kết đưa ra	-	-
Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-
Cam kết khác	-	-
37	3.472.602	2.047.227

Người lập:



Ông Nguyễn Công Anh
TP.Kế toán Tổng hợp - Thống kê

Người kiểm soát:



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Trần Thanh Hoa
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	3.280.061	1.646.999
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(2.096.998)	(957.497)
Thu nhập lãi thuần		1.183.063	689.502
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		234.208	111.483
Chi phí hoạt động dịch vụ		(101.009)	(23.577)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	133.199	87.906
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	(6.913)	11.078
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	(36.966)	1.543
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	29.658	27.928
Thu nhập từ hoạt động khác		2.444	8.316
Chi phí hoạt động khác		(5.722)	(2.464)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác	31	(3.278)	5.852
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	23.711	16.496
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.322.474	840.305
Chi phí tiền lương		(249.433)	(143.060)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(50.096)	(38.036)
Chi phí hoạt động khác		(291.777)	(172.698)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	33	(591.306)	(353.794)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		731.168	486.511
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	(93.596)	(73.896)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		637.572	412.615
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(160.206)	(100.968)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21.2	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN		(160.206)	(100.968)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		477.366	311.647

Người lập:



Ông Nguyễn Công Anh
TP.Kế toán Tổng hợp - Thống kê

Người kiểm soát:



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Trần Thanh Hoa
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI ĐẦU NĂM		216.081	52.761
Hoàn nhập cổ tức đã chia cho cổ phiếu quỹ năm 2007		1.426	-
Lợi nhuận thuần trong năm		477.366	311.647
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		694.873	364.408
Trừ:			
- Trích lập các quỹ dự trữ của năm trước	22.1	(70.121)	(16.151)
- Chia cổ tức đợt cuối của năm trước	22.1	(126.097)	-
- Tạm chia cổ tức cho năm hiện tại	22.1	(170.401)	(132.176)
LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CUỐI NĂM TRƯỚC KHI TRÍCH LẬP CÁC QUỸ DỰ TRỮ VÀ TIẾP TỤC PHÂN PHỐI CHO CỔ ĐÔNG		328.254	216.081

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Công Anh
TP.Kế toán Tổng hợp - Thống kê



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng



Bà Trần Thanh Hoa
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		3.145.716	1.555.993
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.933.983)	(900.401)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		133.199	87.906
Chênh lệch số tiền thực chi/thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		(15.122)	14.626
Thu nhập khác		(3.280)	6.116
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		-	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(508.130)	(312.875)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	21.1	(167.206)	(69.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		651.194	382.365
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		2.717.100	(3.453.734)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán (Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(313.260)	(956.222)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(2.238)	884
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(6.993.938)	(6.343.982)
Tăng khác về tài sản hoạt động	9	(8.607)	-
		(2.897.140)	(1.344)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		62.977	37.023
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		87.613	4.271.319
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		8.460.293	8.328.098
Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		1.890.000	(571.323)
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		848	5.436
(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(4.002)	4.002
Tăng khác về công nợ hoạt động		71.545	317.802
Chi từ các quỹ của TCTD		(10.390)	(3.523)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.711.995	2.016.801
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định	13	(171.843)	(64.733)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		4	215
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	11	(262.764)	(3.050)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	11	78.875	400.010
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		23.711	16.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(332.017)	348.822

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần		-	399.544
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		600.000	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(298.307)	(133.013)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	(41.570)
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		301.693	224.961
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.681.671	2.590.584
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ		5.546.441	2.955.857
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	34	9.228.112	5.546.441

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Công Anh
TP.Kế toán Tổng hợp - Thống kê



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng



Bà Trần Thanh Hoa
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("Ngân hàng") và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 5 đến trang 65 (sau đây gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất"). Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Trần Đình Cường

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên đã đăng ký

Số đăng ký: 0135/KTV



Võ Xuân Minh

Kiểm toán viên phụ trách

Kiểm toán viên đã đăng ký

Số đăng ký: 0923/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	420.562	193.424
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	4	1.032.968	624.326
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	5	8.167.408	8.439.425
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	5.1	8.026.972	8.439.425
Cho vay các TCTD khác		141.813	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		(1.377)	-
Chứng khoán kinh doanh		13.836	26.442
Chứng khoán kinh doanh	6	16.900	29.783
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	12	(3.064)	(3.341)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	2.238	-
Cho vay khách hàng		19.665.526	12.740.502
Cho vay khách hàng	8	19.876.899	12.882.962
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(211.373)	(142.460)
Chứng khoán đầu tư	10	4.790.905	3.026.887
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	201.404	97.045
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.2	4.594.197	2.935.163
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	12	(4.696)	(5.321)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		320.005	335.759
Đầu tư vào công ty con		-	-
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	11.1	52.753	-
Đầu tư dài hạn khác	11.2	268.039	338.055
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12	(787)	(2.296)
Tài sản cố định	13	627.468	507.124
Tài sản cố định hữu hình	13.1	498.170	430.850
Nguyên giá tài sản cố định		594.953	488.584
Hao mòn tài sản cố định		(96.783)	(57.734)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
Tài sản cố định vô hình	13.2	129.298	76.274
Nguyên giá tài sản cố định		156.348	92.323
Hao mòn tài sản cố định		(27.050)	(16.049)
Bất động sản đầu tư		5.465	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	14	5.465	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác	15	2.969.308	624.195
Các khoản phải thu	15.1	1.715.448	336.449
Các khoản lãi, phí phải thu		379.942	246.265
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản có khác	15.2	904.908	41.481
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	16	(30.990)	-
TỔNG TÀI SẢN		38.015.689	26.518.084

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	100.000	37.023
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	6.421.815	6.334.203
Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	6.421.815	5.978.067
Vay các TCTD khác	18.2	-	356.136
Tiền gửi của khách hàng	19	23.457.313	15.001.842
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác		-	4.002
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	20	15.848	15.000
Phát hành giấy tờ có giá	21	2.490.000	-
Các khoản nợ khác		878.504	636.578
Các khoản lãi, phí phải trả		383.594	220.679
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	22	464.817	400.505
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	9	30.093	15.394
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		33.363.480	22.028.648
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn của TCTD		4.223.158	4.223.158
Vốn điều lệ	24.1	3.830.764	3.482.513
Vốn đầu tư XDCB		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	24.1	573.535	921.786
Cổ phiếu quỹ	24.1	(181.141)	(181.141)
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		-	-
Quỹ của TCTD		82.014	50.197
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	347.037	216.081
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24.1	4.652.209	4.489.436
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.015.689	26.518.084

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		3.472.602	2.047.227
Bảo lãnh tài chính		874.671	756.250
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.812.073	1.191.794
Bảo lãnh khác		785.858	99.183
Các cam kết đưa ra		-	-
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		-	-
39		3.472.602	2.047.227

Người lập:



Ông Nguyễn Công Anh
TP.Kế toán Tổng hợp - Thống kê

Người kiểm soát:



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Trần Thanh Hoa
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	3.300.305	1.646.999
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(2.091.747)	(957.497)
Thu nhập lãi thuần		1.208.558	689.502
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		234.462	111.483
Chi phí hoạt động dịch vụ		(101.022)	(23.577)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	133.440	87.906
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	(6.913)	11.078
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	(40.794)	1.543
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	29.658	27.928
Thu nhập từ hoạt động khác		2.564	8.316
Chi phí hoạt động khác		(5.251)	(2.464)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác	33	(2.687)	5.852
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	34	22.645	16.496
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.343.907	840.305
Chi phí tiền lương		(250.947)	(143.060)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(50.097)	(38.036)
Chi phí hoạt động khác		(287.854)	(172.698)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(588.898)	(353.794)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		755.009	486.511
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	(93.596)	(73.896)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		661.413	412.615
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(165.264)	(100.968)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.2	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN		(165.264)	(100.968)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		496.149	311.647
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	25	1.295	1.101

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:





Ông Nguyễn Công Anh
TP.Kế toán Tổng hợp - Thống kê

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Bà Trần Thanh Hoa
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI ĐẦU NĂM		216.081	52.761
Hoàn nhập cổ tức đã chia cho cổ phiếu quỹ năm 2007		1.426	-
Lợi nhuận thuần trong năm		496.149	311.647
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		713.656	364.408
Trừ:			
- Trích lập các quỹ dự trữ của năm trước	24.1	(70.121)	(16.151)
- Chia cổ tức đợt cuối của năm trước	24.1	(126.097)	-
- Tạm chia cổ tức cho năm hiện tại	24.1	(170.401)	(132.176)
LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CUỐI NĂM TRƯỚC KHI TRÍCH LẬP CÁC QUỸ DỰ TRỮ VÀ TIẾP TỤC PHÂN PHỐI CHO CỔ ĐÔNG		347.037	216.081

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Công Anh
TP.Kế toán Tổng hợp - Thống kê



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng



Bà Trần Thanh Hoa
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		3.166.629	1.555.993
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.928.833)	(900.401)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		133.440	87.906
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		(18.951)	14.626
Thu nhập khác		(2.690)	6.116
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		-	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(510.350)	(312.875)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	23.1	(170.777)	(69.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		668.468	382.365
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		2.783.495	(3.453.734)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán (Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(1.050.510)	(956.222)
		(2.238)	884
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(6.993.938)	(6.343.982)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	9	(8.607)	-
Tăng khác về tài sản hoạt động		(2.267.118)	(1.344)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		62.977	37.023
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		87.613	4.271.319
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		8.455.471	8.328.098
Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		1.890.000	(571.323)
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		848	5.436
(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(4.002)	4.002
Tăng khác về công nợ hoạt động		72.281	317.802
Chi từ các quỹ của TCTD		(10.390)	(3.523)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.684.350	2.016.801
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định	13	(171.855)	(64.733)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		4	215
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư		(5.465)	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	11	(62.764)	(3.050)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	11	78.875	400.010
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		23.797	16.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(137.408)	348.822

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG			
TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần		-	399.544
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	600.000	-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(298.307)	-	(133.013)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(41.570)
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		301.693	224.961
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.848.635	2.590.584
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ		5.546.441	2.955.857
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	36	9.395.076	5.546.441

Người lập:



Ông Nguyễn Công Anh
TP.Kế toán Tổng hợp - Thống kê

Người kiểm soát:



Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Trần Thanh Hoa
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 02 năm 2011